

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn nội dung và mức chi Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS

Căn cứ Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001-2005;

Căn cứ Quyết định số 190/2001/QĐ-TTg ngày 13/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS giai đoạn 2001-2005;

Căn cứ Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý và điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Liên Bộ Tài chính-Y tế hướng dẫn nội dung và mức chi của các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS (sau đây gọi tắt là Chương trình PCMSBXH, BDNH & HIV/AIDS) như sau:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:

- Chương trình PCMSBXH, BDNH & HIV/AIDS bao gồm các Dự án được quy định tại Quyết định số 190/2001/QĐ-TTg ngày 13/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS giai đoạn 2001-2005. Kinh phí của Chương trình PCMSBXH, BDNH & HIV/AIDS được hình thành từ nguồn Ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn vốn huy động khác theo quy định của Nhà nước.
- Đối tượng thực hiện Thông tư này là tất cả các đơn vị sử dụng kinh phí của Chương trình PCMSBXH, BDNH & HIV/AIDS.

B. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH PCMSBXH, BDNH&HIV/AIDS:

I. NỘI DUNG CHI CHUNG CỦA CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PCMSBXH, BDNH & HIV/AIDS:

1. Chi viết, biên soạn và dịch tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của từng Dự án, mức chi cụ thể như sau:

- Chi viết, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ: Mức chi tối đa không quá 50.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

- Dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: Mức chi tối đa không quá 40.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

- Dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: Mức chi tối đa không quá 35.000 đồng/trang tiêu chuẩn 300 từ.

2. Chi cho các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của từng Dự án. Mức chi theo quy định của chế độ chi tiêu hội nghị, tập huấn hiện hành.

3. Chi đào tạo, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm ở ngoài nước do Chủ nhiệm Chương trình quyết định. Mức chi theo quy định của chế độ công tác phí ngắn hạn ở nước ngoài hiện hành.

4. Chi cho công tác truyền thông, giáo dục; chi in ấn phẩm truyền thông, tài liệu và các biểu mẫu phục vụ cho hoạt động của các dự án ở trung ương và địa phương. Mức chi cho công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: trên đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí theo mức giá quy định của Nhà nước.

5. Mua phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động chuyên môn như: Mua ô tô chuyên dùng cho ngành y tế; mua xe máy, xe đạp phù hợp với địa bàn miền núi; mua xuồng, ghe (đối với các địa phương đi lại bằng đường thủy là chính) sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Sửa chữa thiết bị, phương tiện chuyên môn nghiệp vụ, duy tu bảo dưỡng kho thuốc, hoá chất, vắc xin, sinh phẩm.

7. Chi đánh giá và giám sát định kỳ việc thực hiện các mục tiêu chuyên môn của từng dự án.

8. Chi cho các cuộc điều tra theo nội dung chuyên môn của từng dự án đã được Bộ Y tế duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 114/2000/TT-BTC ngày 27/11/2000 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chi các cuộc điều tra thuộc nguồn vốn sự nghiệp từ Ngân sách Nhà nước.

9. Thuê chuyên gia trong, ngoài nước và văn phòng chuyên gia (nếu có).

10. Chi khen thưởng theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc của Chủ nhiệm Chương trình PCMSBXH, BDNH&HIV/AIDS. Nội dung và mức chi cụ thể được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 25/2001/TT-BTC ngày 16/4/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý tài chính thực hiện chế độ khen thưởng thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc.

11. Chi nghiên cứu khoa học gắn với nội dung của dự án theo đề cương nghiên cứu đã được Bộ Y tế duyệt. Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 của Liên Bộ Tài chính - Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

12. Chi vốn đối ứng trong nước (nếu có) của các dự án vốn vay ODA, viện trợ nước ngoài đã được quy định trong hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước hoặc các tổ chức quốc tế.

13. Thanh toán tiền tàu xe cho cán bộ y tế xã, thôn, bản lên xã, huyện, tỉnh tập huấn theo mức giá cước vận chuyển hành khách thông thường trong trường hợp xã không thanh toán tiền công tác phí từ nguồn ngân sách xã.

14. Chi cho cán bộ đi giám sát dịch tễ của các Dự án. Mức chi 8.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí hiện hành.

15. Các khoản chi khác (nếu có).

Ban Điều hành các Dự án của Chương trình có trách nhiệm xét duyệt và công bố danh sách tỉnh, quận, huyện, xã, phường trọng điểm hàng năm làm cơ sở pháp lý cho việc điều hành, giám sát chi tiêu của Dự án.

II. NỘI DUNG CHI CỤ THỂ CHO TỪNG DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH PCMSBXH, BDNH & HIV/AIDS:

Ngoài những nội dung chi chung nêu trên, từng dự án được chi những nội dung đặc thù như sau:

1. Nội dung chi của Dự án Phòng, chống bệnh sốt rét (PCSR):

1.1. Mua thuốc sốt rét; thuốc hỗ trợ (gồm thuốc kháng sinh thông thường, thuốc chống ỉa chảy, giảm đau, hạ sốt, sinh tố).

1.2. Mua hóa chất diệt muỗi, hóa chất xét nghiệm.

1.3. Mua dụng cụ phun tẩm hoá chất, dụng cụ điều tra côn trùng, kính hiển vi và dụng cụ xét nghiệm.

1.4. Mua màn cấp cho dân nghèo vùng sốt rét.

1.5. Chi cho cán bộ các đội lưu động đi phòng chống sốt rét tại huyện có sốt rét ngoài chế độ công tác phí hiện hành. Mức chi 8.000 đồng/người/ngày.

1.6. Chi cho các cán bộ y tế xã làm công tác phòng chống sốt rét tại xã trọng điểm sốt rét. Mức chi 60.000 đồng/xã/tháng.

1.7. Chi cho các cán bộ y tế thôn, bản hoặc cộng tác viên phòng chống sốt rét ở thôn, bản trọng điểm sốt rét. Mức chi 20.000 đồng/thôn, bản/tháng.

1.8. Chi cho cán bộ làm xét nghiệm lam máu tìm ký sinh trùng sốt rét. Mức chi 300 đồng/lam.

1.9. Chi cho người làm mồi và người bắt muỗi đêm. Mức chi 15.000 đồng/người/đêm.

1.10. Chi cho người trực tiếp phun, tẩm hoá chất diệt muỗi. Mức chi 15.000 đồng/người/ngày.

1.11- Chi hỗ trợ cho cán bộ tại điểm kính hiển vi khi có dịch sốt rét. Mức 10.000 đồng/người/ngày.

2. Nội dung chi của Dự án Phòng, chống bệnh bưôu cổ:

2.1. Mua thuốc điều trị, hóa chất phòng chống các rối loạn thiếu I ốt.

2.2. Mua máy siêu âm chuyên dùng cho tuyến giáp, máy định lượng I ốt niệu, máy định lượng hóc môn tuyến giáp, tuyến yên, máy đo phóng xạ và các thiết bị phụ kiện kèm theo để trang bị cho các trung tâm (trạm) thực hiện chức năng phòng chống bưôu cổ của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.3. Chi trả công xét nghiệm mẫu muối I ốt. Mức chi 1.500 đồng/mẫu.

2.4- Chi trả công xét nghiệm định lượng I ốt niệu. Mức chi 2.000 đồng/mẫu.

2.5. Chi trả công xét nghiệm định lượng nội tiết tố tuyến yên (T3, T4, TSH). Mức chi 2.000 đồng/mẫu.

2.6. Chi cho cán bộ y tế đi lấy mẫu muối I ốt tại nhà dân, nơi sản xuất, kho chứa muối i ốt, điểm bán lẻ; mẫu nước tiểu tại thực địa. Mức chi 1.000 đồng/mẫu.

2.7. Chi cho cán bộ y tế đi lấy mẫu máu tại thực địa và vận chuyển mẫu máu để xét nghiệm. Mức chi 2.000 đồng/mẫu.

2.8. Chi hỗ trợ mỗi huyện một định suất làm công tác chuyên trách phòng chống các rối loạn thiếu hụt i ốt nếu duy trì được tỷ lệ phủ muối i ốt tối thiểu 70% số gia đình trong huyện. Mức chi 50.000 đồng/định suất/tháng.

2.9. Chi trả công giám sát chất lượng muối i ốt tại hộ gia đình, nơi sản xuất, điểm bán lẻ để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng muối i ốt và các lý do không sử dụng muối i ốt theo mẫu phiếu giám sát do Bộ Y tế ban hành, mức chi cụ thể (kể cả chi phí đi lại và công thu thập số liệu tại phiếu giám sát) như sau:

- Mức chi đối với khu vực miền núi, biên giới, hải đảo là 12.000 đồng/1 phiếu giám sát (hộ gia đình), đối với các vùng còn lại là 10.000 đồng/1 phiếu giám sát (hộ gia đình).

- Mức chi đối với giám sát chất lượng muối I ốt tại nơi sản xuất, điểm bán lẻ là 5.000 đồng/1 phiếu giám sát.

- Chi thù lao nhập số liệu vào máy vi tính, phân tích, xử lý số liệu. Mức chi 2.000 đồng/1 phiếu giám sát hộ gia đình; 1.000 đồng/phiếu giám sát nơi sản xuất hoặc điểm bán lẻ.

- Chi thù lao cho cán bộ hướng dẫn tổ chức và theo dõi công tác giám sát chất lượng muối i ốt. Mức chi 30.000 đồng/xã giám sát/đợt. Danh sách các xã giám sát do Ban Điều hành Dự án quyết định.

3. Nội dung chi của Dự án Tiêm chủng mở rộng (TCMR):

3.1. Mua, tiếp nhận bảo quản và vận chuyển vắc xin đến tuyến huyện, tuyến xã phục vụ TCMR.